BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI** Số: 625/QĐ-ĐHSPTDTTHN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 13/03/2023 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học năm 2023 của trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP TDTT Hà Nội ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế tuyển sinh đại học của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 28/3/2025 về việc ban hành Thông tin Tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 08/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học đợt 1, năm 2025;

Căn cứ công văn số 3623/BGDĐT-GDĐH ngày 04/7/2025 về việc Thông báo số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học & Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội *(Thông tin tuyển sinh điều chỉnh kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Quản lý đào tạo Khoa học và Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Hiệu trưởng, CTHĐT (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT-KH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy, vừa làm vừa học, liên thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 625/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

Tên tiếng Anh: **HANOI UNIVERSITY OF PHYSICAL EDUCATION AND SPORTS**

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TDH

3. Địa chỉ trụ sở: Phụng Châu, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://hupes.edu.vn/

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

02433.866.899; 02433.719.423; DĐ: 0984.043.339

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án; quy chế thi tuyển sinh: https://hupes.edu.vn/tuyensinh

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

- Địa chỉ công khai chương trình đào tạo, ngành đào tạo:https://hupes.edu.vn/media-detail/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-nam-2022.html

- Đội ngũ giảng viên: https://hupes.edu.vn/media-detail/thong-bao-cong-khai-ve-doi-ngu-giang-vien-co-huu-cua-co-so-giao-duc-dh-nam-hoc-2022-2023.html

Cơ sở vật chất: https://hupes.edu.vn/media-detail/danh-muc-co-so-vat-chat-phuc-vu-dao-tao.html

- Quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên có việc làm: https://hupes.edu.vn/media-detail/quy-mo-nganh-dao-tao-hinh-thuc-chinh-quy-den-ngay-31-12-2024.html

- Kế hoạch tuyển sinh các ngành: https://hupes.edu.vn/media-detail/ke-hoach-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025.html

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện chung

(1) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam và tương đương (giáo dục thường xuyên).

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật.

c) Người có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

d) Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao, Nhà trường căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

(2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1.1 phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

d) Nhà trường sẽ quy định rõ đối tượng và điều kiện xét tuyển theo từng phương thức tuyển sinh.

1.2. Đối tượng, điều kiện cụ thể cho từng phương thức xét tuyển.

- Xét tuyển thẳng: Thí sinh đáp ứng điều kiện thuộc đối tượng tại mục 2.1 và theo thông báo chi tiết kèm theo Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường.

- Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu thể dục thể thao theo mục 2.2 và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại mục 3.

- Xét kết quả học tập trung học phổ thông (học bạ), kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu thể dục thể thao theo mục 2.3 và đáp ứng ngưỡng đầu vào tại mục 3.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Năm 2025, Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội tuyển sinh theo các phương thức như sau:

2.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

2.1.1. Xét tuyển thẳng:

2.1.1.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao:

* *Thí sinh được xét tuyển thẳng nếu*: Tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; *thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.*

* *Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây*:

+ Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

+ Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ Tiếng Việt theo yêu cầu của chương trình có kết quả kiểm tra chuẩn năng lực ngôn ngữ Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

* *Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học:*

- Là học sinh dự bị đại học của các trường Dự bị đại học;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế

tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, đã được Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội phân bổ chỉ tiêu; có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của kỳ xét tuyển năm 2025.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3.

2.1.1.2. Đối với Ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh:

*) *Đối tượng được tuyển thẳng:*

+ Thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đã tốt nghiệp THPT;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng. Yêu cầu: Môn thi/nội dung thi của thí sinh phù hợp với bài thi/môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển.

* *Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành Giáo dục quốc phòng và An ninh để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây*:

Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

* *Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học:*

- Là học sinh dự bị đại học của các trường Dự bị đại học;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, đã được Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội phân bổ chỉ tiêu; Có kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt ngưỡng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của kỳ xét tuyển năm 2025.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3.

2.1.2. Ưu tiên xét tuyển:

2.1.2.1. Đối với ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao

* *Đối tượng được ưu tiên xét tuyển*:

+ Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào Trường;

+ Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia; *thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển*;

* *Quyền lợi của đối tượng được ưu tiên xét tuyển:*

+ Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào Trường hoặc Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia: *Được hưởng 10 điểm Năng khiếu TDTT* (Đối tượng A).

+ Thí sinh đoạt huy chương bạc các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm: *Được hưởng 9 điểm Năng khiếu TDTT* (Đối tượng B).

+ Thí sinh đoạt huy chương đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một

lần trong năm: *Được hưởng 8 điểm Năng khiếu TDTT* (Đối tượng C).

*** Chú ý:** Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không bị khuyết tật, dị hình và đảm bảo chiều cao theo quy định. Thí sinh Đối tượng B, C nêu trên có thể đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT để có điểm cao hơn.

2.1.2.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh:

** Đối tượng được ưu tiên xét tuyển:*

Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào Trường *hoặc* thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải*; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.*

*** Chú ý:** *Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không bị khuyết tật, dị hình và đảm bảo chiều cao theo quy định.*

2.2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu thể dục thể thao

2.2.1. Quy định chung

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Thí sinh đăng ký, thực hiện theo hướng dẫn của trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Trường.

2.2.2. Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

a) Cách tính điểm

**** Cách tính điểm theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT cho ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao:***

Xét tuyển theo tổng điểm của hai bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Năng khiếu TDTT):

Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T09: Toán + Sử + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT**

ĐXT = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐƯT + Điểm cộng (nếu có).

Lưu ý:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = môn Giáo dục công dân.

- Điểm khuyến khích theo quy định của Trường tối đa là 2 điểm

- Tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm (theo thang điểm 10).

**** Cách tính điểm theo kết quả thi tốt nghiệp THPT cho ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh***

Xét tuyển theo tổng điểm của ba bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Ngữ văn)

Mã tổ hợp **C00**: ***Ngữ văn* + Lịch sử + Địa lý**

Mã tổ hợp **C19**: **Ngữ văn + GDKTPL + Lịch sử**

Mã tổ hợp **C20**: **Ngữ văn + GDKTPL + Địa lý**

Mã tổ hợp **D66**: **Ngữ văn + GDKTPL + Tiếng Anh**

ĐXT = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐƯT + Điểm cộng (nếu có).

Lưu ý:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = môn Giáo dục công dân.

- Điểm khuyến khích theo quy định của Trường tối đa là 2 điểm

- Tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm (theo thang điểm 10).

b) ***Điểm ưu tiên xét tuyển***

- ĐƯT = ĐƯT theo đối tượng chính sách + ĐƯT theo khu vực.

- ĐƯT đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

ĐƯT = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (thang điểm 30). Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐƯT: Điểm ưu tiên.

ĐƯT = [40 – Tổng điểm đạt được)/10] x Mức điểm ưu tiên quy định (thang điểm 40).

2.2.3. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì thì sử dụng tiêu chí phụ xét theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong các phương thức xét tuyển.

2.3. Xét kết quả học tập trung học phổ thông (học bạ), Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu thể dục thể thao

2.3.1. Đối tượng

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo mục 1.1

2.3.2. Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

a) Cách tính điểm

**** Cách tính điểm theo kết quả học tập trung học phổ thông với điểm thi Năng khiếu thể dục thể thao cho ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao:***

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển:

Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T09: Toán + Sử + Năng khiếu TDTT**

Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT**

ĐXT = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐƯT + Điểm cộng (nếu có).

Lưu ý:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = môn Giáo dục công dân.

- Điểm khuyến khích theo quy định của Trường tối đa là 2 điểm

- Tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm (theo thang điểm 10).

- ĐTB Môn 1 hoặc ĐTB Môn 2 hoặc ĐTB Môn 3 = (điểm HK 1 + điểm HK 2)/2

**** Cách tính điểm theo kết quả học tập THPT cho ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh***

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của 3 môn học lớp 12 THPT.

Thí sinh đăng ký 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Ngữ văn)

Mã tổ hợp **C00**: ***Ngữ văn* + Lịch sử + Địa lý**

Mã tổ hợp **C19**: **Ngữ văn + Giáo dục kinh tế và pháp luật + Lịch sử**

Mã tổ hợp **C20**: **Ngữ văn + Giáo dục kinh tế và pháp luật + Địa lý**

Mã tổ hợp **D66**: **Ngữ văn + Giáo dục kinh tế và pháp luật + Tiếng Anh**

ĐXT = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐƯT + Điểm cộng (nếu có).

Lưu ý:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = môn Giáo dục công dân.

- Điểm khuyến khích theo quy định của Trường tối đa là 2 điểm

- Tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm (theo thang điểm 10).

- ĐTB Môn 1 hoặc ĐTB Môn 2 hoặc ĐTB Môn 3 = (điểm HK 1 + điểm HK 2)/2

b) *Điểm ưu tiên xét tuyển*

- ĐƯT = ĐƯT theo đối tượng chính sách + ĐƯT theo khu vực.

- ĐƯT đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: ĐƯT = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐƯT: Điểm ưu tiên.

c) Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì sử dụng tiêu chí phụ xét theo thứ tự nguyện vọng từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong các phương thức xét tuyển.

2.4. Thi tuyển năng khiếu thể dục thể thao

2.4.1. Quy định chung

- Thí sinh xét tuyển các ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội (Nhà trường không công nhận kết quả thi năng khiếu của các cơ sở đào tạo khác).

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong các phương thức xét tuyển.

- Điểm thi năng khiếu TDTT phải đạt ≥ 5,0 điểm (điểm chưa nhân hệ số).

- Môn năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao:

+ Kiểm tra thể hình

+ Bật xa tại chỗ

+ Chạy cự ly 100m.

Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng, Nhà trường sẽ tổ chức thi các môn năng khiếu theo hình thức trực tuyến dựa vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4.2. Nội dung, yêu cầu thi năng khiếu ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao

a) Kiểm tra thể hình: Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1m62**, nữ từ **1m52** trở lên (*thí sinh có chiều cao không đạt theo quy định thì bị loại*). Các trường hợp đặc biệt là vận động viên có thành tích do Hội đồng tuyển sinh quyết định;

Không tuyển đối với các trường hợp trên cơ thể có hình xăm phản cảm, hình xăm có thiết diện rộng phủ kín tay, chân, mặt, cổ.

b) Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet) chấm theo thang điểm 10.

- Kỹ thuật: Hai chân đứng trên ván giậm nhảy và bật nhảy bằng 2 chân.

- Mỗi thí sinh được bật 3 lần. Mỗi lần bật đều đo thành tích và công nhận thành tích cao nhất.

- Thành tích được tính ở lần không phạm quy.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Khi tạo đà 2 chân rời ván giậm nhảy.

+ Khi giậm nhảy 2 chân rời ván không đồng thời.

+ Khi giậm nhảy bàn chân vượt quá mép trên của ván giậm nhảy.

+ Khi tiếp cát do mất thăng bằng, cơ thể ngã về phía sau và vượt quá giới hạn ván giậm nhảy.

- Đo thành tích: Thành tích được đo từ mép trên của ván giậm nhảy (gần với hố cát) đến điểm tiếp xúc cát của bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể và gần với ván giậm nhảy nhất (Ví dụ: Khi hai chân chạm cát nhưng do mất đà nên phải dùng tay chống xuống hố cát thì giám khảo sẽ xem xét giữa điểm rơi của hai chân và bộ phận nào rơi gần với ván giậm nhảy hơn thì đo bộ phận đó).

c) Chạy 100m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

- Thực hiện kỹ thuật xuất phát (không có bàn đạp).

- Trong 1 đợt chạy nếu có bất kỳ 1 thí sinh nào phạm quy thì giám khảo vẫn tiếp tục cho chạy và chỉ bắt lỗi thí sinh phạm quy trong đợt chạy này.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Phạm lỗi xuất phát (xuất phát trước hiệu lệnh).

+ Trong quá trình chạy thí sinh chạy ra ngoài đường chạy.

+ Có hành vi cản trở ảnh hưởng đến các thí sinh khác.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào:

3.1.1. Đối với ngành giáo dục thể chất

- Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 405: Theo thông báo ngưỡng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia 2025, dự kiến trước 17:00 ngày 23/7/2025.

- Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 406:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT.

+ Thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm tốt nghiệp THPT năm 2025 từ 6,5 trở lên.

+ Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ 1m62, nữ từ 1m52 trở lên. Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Các trường hợp không áp dụng ngưỡng đầu vào:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

+ Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa , Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD), Giải vô địch Châu Á, Cúp Châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

+ Thí sinh là người nước ngoài được cử đi học có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ 1m62, nữ từ 1m52 trở lên. Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

3.1.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh

- Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 100: Theo thông báo ngưỡng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia 2025, dự kiến trước 17:00 ngày 23/7/2025.

- Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 200:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT.

+ Thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên hoặc điểm tốt nghiệp THPT năm 2025 từ 8,0 trở lên.

+ Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ 1m62, nữ từ 1m52 trở lên. Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Các trường hợp không áp dụng ngưỡng đầu vào:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ 1m62, nữ từ 1m52 trở lên. Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Các trường hợp không áp dụng ngưỡng đầu vào:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

+ Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa , Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD), Giải vô địch Châu Á, Cúp Châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

+ Thí sinh là người nước ngoài được cử đi học có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

***3.2. Điểm trúng tuyển*:**

Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển. Điểm trúng tuyển (điểm trúng tuyển quy đổi tương

đương) của phương thức 406 cao hơn ít nhất 1 điểm so với điểm trúng tuyển của phương thức 405; phương thức 200 cao hơn ít nhất 1 điểm so với điểm trúng tuyển của phương thức 100..

Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó

Điểm tổ hợp = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm NK x2

Điểm cộng (được quy định tại mục 5.2)

Điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực (mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Riêng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt điểm tổ hợp từ 22,5 trở lên (tối đa là 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

Thang điểm 30: [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x (Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực)

Thang điểm 40: [40 – Tổng điểm đạt được)/10] x (Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Năm 2025, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tuyển sinh 03 mã ngành với 09 chương trình đào tạo theo phương thức tuyển sinh tại mục 1.2

- Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành, chương trình/ nhóm ngành như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7140206	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	280	- Xét tuyển thẳng - Kết hợp kết kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10) - Kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10)
2	7140208	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	7140208	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	24	- Xét tuyển thẳng - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (Tổ hợp: C00, C19, C20, D66) - Xét kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT (Tổ hợp: C00, C19, C20, D66)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
3	7810302	Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	433	- Xét tuyển thẳng - Kết hợp kết kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10) - Kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10)

(*) Chỉ tiêu phân đều cho các tổ hợp đã nêu ở trên trong mỗi phương thức tuyển sinh. Trường hợp tổ hợp hoặc phương thức tuyển sinh nào xét tuyển có ít thí sinh đăng ký dự tuyển thì chỉ tiêu sẽ sử dụng cho tổ hợp xét tuyển khác (phương thức khác) có nhiều thí sinh đăng ký dự tuyển.

(**) Môn chính trong mỗi tổ hợp được tính điểm hệ số 2.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội không tổ chức sơ tuyển, thực hiện theo các quy định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điểm cộng

Điểm cộng là điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang 30). Điểm cộng được tính cho các đối tượng sau:

5.2.1. Đối với ngành Giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao:

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng quy định tại mục 2.1.1 nhưng không dùng quyền tuyển thẳng được cộng 2 điểm.

- Thí sinh đoạt huy chương tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm. Thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển:

+ Huy chương Vàng: 1,5 điểm

+ Huy chương Bạc: 1,0 điểm

+ Huy Chương Đồng: 0,5 điểm

5.2.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng quy định tại mục 2.1.1 nhưng không dùng quyền tuyển thẳng được cộng 2 điểm

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích/Giải Tư các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức (nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp); thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển được cộng 1,5 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi HSG cấp tỉnh/Thành phố trực thuộc TW các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường, thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển được cộng 1,0 điểm.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với các mã tuyển sinh theo nhóm ngành:

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tuyển sinh ngay từ đầu đối với 03 chương trình đào tạo đại học với 03 mã tuyển sinh chương trình đào tạo đại học. Các mã tuyển sinh bao gồm các chương trình đào tạo ở các nhóm ngành khác nhau. Việc lựa chọn các chương trình đào tạo vào các tổ hợp xét tuyển dựa trên căn cứ sau:

(i) Việc tổ chức thực hiện tuyển sinh đảm bảo nguyên tắc tối ưu hóa quyền lợi và mở rộng cơ hội cho thí sinh.

(ii) Các chương trình đào tạo có mức quan tâm của các thí sinh trong các khóa tuyển sinh trong những năm gần đây.

5.4. Các thông tin khác

- Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký (NV1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành/chương trình của đại học và chỉ trúng tuyển 01 (một) NV có ưu tiên cao hơn.

- Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội xét tuyển theo mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh.

- Điểm xét tuyển theo thang 40 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Chỉ tiêu đại học chính quy bao gồm: Hệ đại học chính quy/hệ chuẩn, liên thông chính quy được linh hoạt điều chuyển đảm bảo tổng chỉ tiêu không vượt chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

6. Tổ chức tuyển sinh: *(Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển)*

6.1. Thời gian thi tuyển/xét tuyển:

6.1.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện Thể thao:

* Thi Năng khiếu TDTT trực tiếp tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội:

Đợt 1: Các ngày **10 – 12/07/2025**

Đợt 2: Các ngày **26 – 27/09/2025** *(nếu còn chỉ tiêu)*

**** Ghi chú :***

+ Trong mỗi đợt: Ngày đầu phổ biến quy chế thi, làm thủ tục thi; ngày thứ 2 thi năng khiếu TDTT.

+ Nhà trường có Video hướng dẫn nội dung thi năng khiếu TDTT đối với đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao trên Website của Trường.

+ Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu TDTT hệ chính quy do Nhà trường tổ chức trong truyền sinh năm 2025 để xét tuyển đại học Vừa làm vừa học.

6.1.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh:

Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc các đợt tuyển sinh và công bố kết quả xét tuyển vào thời gian sớm nhất:

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi, căn cứ theo kết quả học tập lớp 12 THPT (Học bạ) hoặc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia.

- Đối với sinh viên đăng ký học cùng lúc 2 chương trình (*đào tạo song bằng*), Nhà trường

căn cứ kết quả học tập.

6.1.3. Ghi chú :

Nếu sau mỗi đợt thi, Nhà trường tuyển sinh đủ chỉ tiêu thì sẽ không tổ chức các đợt thi tiếp theo. Nếu còn chỉ tiêu, có đợt thi bổ sung tiếp theo, Nhà trường sẽ thông báo trên Website https://hupes.edu.vn/tuyensinh.

6.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển:

a) Hình thức nhận đăng ký xét tuyển:

- Thông tin tuyển sinh trên Website: **https://hupes.edu.vn/tuyensinh/**

- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên trang: https://tuyensinhdaihoc.hupes.edu.vn/

- Thí sinh gửi Hồ sơ đăng ký xét tuyển qua Bưu điện về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên Website).

- Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương).

- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) với thí sinh tốt nghiệp trước 2025. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2025 (hoặc bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT, nếu đã có). Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia.

- Thí sinh phải nộp 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.

c) Lệ phí xét tuyển, thi Năng khiếu:

- Hình thức nộp: **Chuyển khoản.**

- Lệ phí thi năng khiếu TDTT: **500.000đ;** Lệ phí hồ sơ xét tuyển: **30.000đ/ngành**

- Số tài khoản : **45010006656669**

- Tên ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây (BIDV).

- Tên người nhận: Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

- Cú pháp nội dung nộp lệ phí:

Họ và tên - số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân) - LPTS 2025.

6.3. Các điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh phải có đủ các điều kiện sau để được xét trúng tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (hình thức giáo dục thường xuyên).

- Thí sinh đủ sức khỏe, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1m62**, nữ từ **1m52** trở lên (*thí sinh có chiều cao không đạt theo quy định thì bị loại*). Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

6.3.1. Đối với ngành Giáo dục Thể chất:

** Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12* :

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào:

+ Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương

tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.

** Yêu cầu với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT* :

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

6.3.2. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh:

** Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12*:

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

** Yêu cầu với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT*:

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

6.3.3. Đối với ngành Huấn luyện Thể thao:

** Yêu cầu đối với thí sinh đăng ký xét theo Học bạ lớp 12*:

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Trung bình trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,0 trở lên.

Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào:

+ Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.

** Yêu cầu với thí sinh đăng ký xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT*:

Yêu cầu ngưỡng đầu vào: Do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

7. Chính sách ưu tiên: *(Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)*

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng từ 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng từ 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30 điểm) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [30 – Tổng điểm đạt được)/ 7,5] x mức điểm ưu tiên theo quy định

Điểm ưu tiên = [40 – Tổng điểm đạt được)/ 10] x mức điểm ưu tiên theo quy định

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định.

7.2. Xét tuyển thẳng

Nhà trường xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, cụ thể tại mục 2.1.

Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng:

+ Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Giấy chứng nhận huy chương hoặc Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu.

+ Công văn của cơ quan quản lý vận động viên giới thiệu VĐV đi học hoặc đơn xin đi học của vận động viên (được cơ quan quản lý cho phép).

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có, để xét học bổng trong quá trình học).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển: **30.000đ.**

***7.3. Ưu tiên xét tuyển*:**

Nhà trường xét ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng theo mục 2.1.

** Hồ sơ ưu tiên xét tuyển:*

+ Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Quyết định công nhận đẳng cấp Kiện tướng quốc gia hoặc Giấy chứng nhận Huy chương Vàng tại các giải quốc gia (Đối tượng A). Giấy chứng nhận Huy chương Bạc, Huy chương Đồng tại các giải quốc gia (Đối tượng B). *Thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào trường.*

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

+ Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ 02 ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng)

+ Phiếu đăng ký tham dự kỳ thi THPT Quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ xét tuyển: 30.000 đ.

* Các giấy tờ thiếu có thể nộp bổ sung trước ngày nhập học.

***Chú ý*:** Thí sinh diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển không bị khuyết tật, dị hình và đảm bảo chiều cao theo quy định. Thí sinh Đối tượng B nêu trên có thể đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT để có điểm cao hơn.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:

- Lệ phí thi năng khiếu và xét tuyển: Đối với ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao: **530.000đ**/(Hồ sơ xét tuyển + thi tuyển)

- Lệ phí xét tuyển đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh: **30.000đ**/ Hồ sơ xét tuyển.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Chính sách học phí: Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CPngày 27/8/2021; Căn cứ theo nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.410	1.590	1.790
Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Dịch vụ xã hội, Khách sạn-du lịch-thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh quốc phòng	1.500	1.690	1.910

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

10.1. Thông tin về học phí

- Sinh viên sư phạm hệ Đại học Chính quy ngành Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của Nhà trường và được Nhà nước hỗ trợ **3.630.000đ/tháng** để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại Trường (không quá 10 tháng/năm học).

- Nhà trường có đủ chỗ ở trong Ký túc xá sau khi thí sinh đỗ vào trường.

10.2. Thông tin về học bổng

Sinh viên được thụ hưởng đầy đủ các chế độ chính sách và học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Nhà nước và Nhà trường ạ.

10.3. Thông tin về việc làm sau khi tốt nghiệp:

**** Đối với ngành Giáo dục Thể chất:***

+ Làm việc tại các Sở Văn hóa - Thể thao, các Trung tâm TDTT, các Câu lạc bộ TDTT (như Yoga, GYM, Boxing, Thể hình, Võ thuật,...), các Trung tâm phục hồi chức năng và Chăm sóc sức khỏe, các Công ty Tổ chức sự kiện...

+ Giảng dạy tại trường phổ thông các cấp, các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo.

+ Được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của Nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp hệ đại học.

**** Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh:***

+ Giảng viên giảng dạy Giáo dục Quốc phòng và An ninh các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, các Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

+ Giáo viên dạy Giáo dục Quốc phòng và An ninh các trường Trung học phổ thông.

+ Chuyên viên quản lý môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh ở các cơ sở Giáo dục và đào tạo.

+ Tham gia nghiên cứu ở các Trung tâm hoặc Viện nghiên cứu thuộc Bộ Quốc phòng.

+ Được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của Nhà trường ngay sau khi tốt nghiệp hệ đại học.

** Đối với ngành Huấn luyện Thể thao:*

+ Huấn luyện viên từ cấp cơ sở đến đội tuyển tỉnh, thành – ngành.

+ Có thể trở thành Cán bộ Thể dục Thể thao hoạt động phong trào tại các cơ sở; trở thành giáo viên thể dục tham gia giảng dạy ở các trường học các cấp.

+ Trở thành huấn luyện viên và hướng dẫn viên trong các câu lạc bộ thể thao, các trung tâm huấn luyện, đào tạo vận động viên thể dục thể thao;

+ Có thể tham gia các tổ chức, hiệp hội thể dục thể thao, tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại các giải thể thao.

10.4. Thông tin Về đào tạo song bằng (sinh viên học cùng lúc 2 chương trình)

Chỉ có sinh viên đang theo học hệ Đại học Chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội được đăng ký học cùng lúc 2 chương trình khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của ngành học thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng *một trong hai điều kiện* sau (*và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Nhà trường*):

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo ngành học thứ nhất trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành học thứ hai trong năm tuyển sinh.

VD: Sinh viên đang theo học hệ Đại học Chính quy tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. Nếu học ngành Giáo dục Thể chất thì được đăng ký học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh và ngược lại nếu học ngành Giáo dục Quốcphòng - An ninh thì được đăng ký học ngành Giáo dục Thể chất (học cùng lúc 2 chương trình), khi đáp ứng điều kiện nêu trên.

Số lượng sinh viên đăng ký học cùng lúc 2 chương trình (đào tạo song bằng) không tính vào chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT giao cho. Năng lực đào tạo của Nhà trường đáp ứng đào tạo song bằng cho sinh viên các khóa đang theo học hệ Đại học Chính quy có đủ điều kiện nêu trên.

10.4. Thông tin cán bộ hỗ trợ giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	**ThS. Nguyễn Thị Hằng**	P.Trưởng phòng [1]	**0982102876**	nthang@gmail.com
2	**TS. Trần Văn Cường**	Trưởng khoa GDQP&AN	**0983887282**	cuongbb82@gmail.com
3	**TS. Mai Tú Nam**	Trưởng khoa HLTT	**0912651969**	namvovn2589@gmail.com
4	**ThS. Lê Học Liêm**	Trưởng phòng [3]	**0934388388**	leliemkdk@gmail.com
5	**ThS. Ngô Xuân Đức**	P.Trưởng phòng [1]	**0915678956**	nxduc.hupes@moet.edu.vn
6	**Nguyễn Minh Tư**	P.Trưởng phòng [2]	**0961421970**	mtu@moet.edu.vn
7	**CV. Trần Thị Thanh Huyền**	Cán bộ Phòng [1]	**0984043339**	tthuyen.hupes@moet.edu.vn
8.	**CV. Nguyễn Minh Hiệp**	Cán bộ Phòng [1]	**0988886277**	minhhieptdtt@gmail.com
9	**CV. Lê Tiến Đạt**	Cán bộ phòng[2]	**0972690524**	letiendat05101998@gmail.com

[1]: Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học & Hợp tác quốc tế : (024)33.719.423, (024)33.866.899

[2]: Phòng Hành chính tổng hợp.

[3]: Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo & Thanh tra.

❖ **TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN:**

Nhà trường không tổ chức tuyển sinh đối tượng này.

❖ **TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM:**

(Chỉ áp dụng cho ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao).

- Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của Nhà trường : **https://hupes.edu.vn/tuyensinh/danh-muc-tin/tuyen-sinh-lien-thong.html**

- Chi tiết xem Phụ lục 2.

❖ **TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA**

Nhà trường không tổ chức tuyển sinh.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC *(Nhà trường có Thông báo riêng)*:

+ Tuyển sinh *đào tạo trình độ Thạc sĩ, ngành Giáo dục học* (8140101) : **48 chỉ tiêu**

+ Tuyển sinh *đào tạo trình độ Tiến sĩ, ngành Giáo dục học* (9140101) : **09 chỉ tiêu**

* Thông tin liên hệ Khoa Đào tạo Sau đại học: TS. Đỗ Mạnh Hưng (Trưởng khoa): **0904.171.689**

11. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

11.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2023, tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT.
- Kết hợp thi tuyển năng khiếu TDTT và xét tuyển: Tổ chức thi môn Năng khiếu xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất, ngành Huấn luyện thể thao.

11.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực / Nhóm ngành / Ngành / Tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất hệ chính quy*** Mã ngành: **7140206** *Tổ hợp xét tuyển* : - Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT	**161**	**162**	**37,20** (KV3, không ƯT)	**210**	**219**	**34,62** (KV3, không ƯT)
Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất hệ VLVH***	**80**	**43**	**23,83**	**86**	**82**	**25,00**

Lĩnh vực / Nhóm ngành / Ngành / Tổ hợp xét tuyển	Năm 2023			Năm 2024		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Mã ngành: **7140206** *Tổ hợp xét tuyển* : - Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT						(KV3, không ƯT)
Tên ngành: ***Giáo dục Quốc phòng -An ninh*** Mã ngành: **7140208** *Tổ hợp xét tuyển*: - Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Lịch sử - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Địa lý - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Tiếng Anh	**20**	**19**	**27,50**	**28**	**25**	**36,01** (KV3, Không ƯT)
Tên ngành: ***Huấn luyện thể thao hệ chính quy*** Mã ngành: **7810302** *Tổ hợp xét tuyển*: - Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT	120	131	**31,83** (KV3, Không ƯT)	**156**	**175**	**27,85** (KV3, Không ƯT)
Tên ngành: ***Huấn luyện thể thao hệ VLVH*** Mã ngành: **7810302** *Tổ hợp xét tuyển* : - Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT	36	32	**24,43** (KV3, Không ƯT)	**68**	**73**	**21,90** (KV3, Không ƯT)
Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất hệ LT TC-CĐ lên ĐH*** Mã ngành: **7140206** *Tổ hợp xét tuyển* : - Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT - Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT - Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT	0	0		68	67	**16,50** (KV3, Không ƯT)
Tổng cộng :	**382**	**387**	-	**616**	**641**	-

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

Phụ lục 1: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		**133**
1	**Tiến sĩ**		**15**
1.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	914	**15**
1.1.1	Ngành *Giáo dục học*	9140101	**15**
2	**Thạc sĩ**		**133**
2.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	814	**133**
2.1.1	Ngành *Giáo dục học*	8140101	**133**
B	**ĐẠI HỌC**		**1265**
3	**Đại học chính quy**		**1265**
3.1	**Chính quy**		**1265**
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		**0**
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		**1265**
3.1.2.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	714	**1265**
3.1.2.1.1	Ngành *Giáo dục thể chất*	7140206	**923**
3.1.2.1.2	Ngành *Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	7140208	**65**
3.2	**Đối tượng từ trung cấp lên đại học**		**0**
3.3	**Đối tượng từ cao đẳng lên đại học**		**0**
3.3.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	714	**0**
3.3.1.1	Ngành *Giáo dục thể chất*	7140206	**0**
3.4	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		**0**
4	**Đại học vừa làm vừa học**		**308**
4.1	**Vừa làm vừa học**		**0**
4.2	**Đối tượng từ trung cấp lên đại học**		**66**
4.2.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	714	
4.2.1.1	Ngành *Giáo dục thể chất*	7140206	**66**
4.3	**Đối tượng từ cao đẳng lên đại học**		**242**
4.3.1	Lĩnh vực *Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*	714	**242**
4.3.1.1	Ngành *Giáo dục thể chất*	7140206	**242**
4.4	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		**0**
5	**Từ xa**		**0**

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): **14,3 ha** (≈ 143.477 m^2).

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **3.360 chỗ**

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinhviên chính quy : 23,5 m^2/ sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	**02**	**485**
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	**04**	**728**
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	**04**	**544**
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	**11**	**1.252**
1.5	Số phòng học đa phương tiện	**02**	**280**
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.	**05**	**1.895**
1.7	Giảng đường học chung (ngành GDQP-AN)	**14**	**2100**
1.8	Phòng học chuyên dùng (ngành GDQP-AN)	**01**	**150**
2	Thư viện, trung tâm học liệu.	**02**	**1.300**
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	**26**	**26.440**
	Tổng :		**35.174**

2.2. Các thông tin khác:

2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, nhà thi đấu đa năng, sân bãi tập luyện, thao trường, bãi tập quân sự, bể bơi và các trang thiết bị:

Phục vụ các ngành:

- Mã ngành: **7140206** Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất***

- Mã ngành: **7140208** Tên ngành: ***Giáo dục Quốc phòng và An ninh***

- Mã ngành: **7810302** Tên ngành: ***Huấn luyện Thể thao***

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
1	Phòng thực hành Tin học	02	02 máy chiếu, 72 máy tính nối mạng.	7140206 7140208 7810302

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
2	Phòng học Giải phẫu	01	Các bộ xương người thật. Mô hình giải phẫu 21 phần Torso; Bộ dụng cụ đo độ dầy da; Bộ lực kế lưng; Bộ lực kế tay; Bộ thước nhân trắc; 02 bộ Cân, đo điện tử.	7140206 7140208 7810302
3	Phòng thực hành Ngoại ngữ (LAB)	02	Máy chiếu + 90 máy cá nhân	7140206 7140208 7810302
4	Phòng thực hành Y học	01	Máy đo mạch tự động; Máy phân tích chức năng hô hấp; Thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động; Máy điện tim ECG 1503 Mỹ; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy siêu âm ALOKA Nhật - TQ (SSD1000); Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES- 521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K; Thiết bị đo phản xạ toàn thân 1264B Nhật; Nhiệt kế hồng ngoại kỹ thuật số; Máy đo tầm hoạt động khớp; Thiết bị phục hồi chấn thương bằng xoa bóp điện từ.	7140206 7140208 7810302
5	Phòng thực hành Sinh hóa, Sinh lý TDTT.	01	Các thiết bị Sinh hóa, Sinh lý TDTT. Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES-521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy XQ chụp tổng hợp cao tần EZY – RAD.	7140206 7140208 7810302
6	Nhà tập đa năng (tổng diện tích 1.392 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDTT. Hệ thống thang gióng thể dục; Xà đơn thi đấu DA9-TQ; Xà kép luyện tập SHB1-TQ; Xà lệch luyện tập GA1-TQ.	7140206 7140208 7810302

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
7	Nhà tập, thi đấu đa năng (tổng diện tích 3.200 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDTT. Máy tậptạ 113, Máy tập tạ 202, Máy tập tạ 608, Máy tập bụng 210, Máy tập cẳng chân 620S; Máy tập đùi 602B, Máy tập lưng 304, Máy tập lưng 504, Máy tập lưng 712, Máy tập tạ 407B, Máy tập vai và tay FT444, Máy tập vai và tay FT555; Ván dậm nhảy ZTA9-TQ; Dàn tạ 300G/120GD; Tạ gánh Jinling; Thảm tập đa năng Mỹ. Bộ cột sân Bóng rổ.	7140206 7140208 7810302
8	Nhà tập bóng bàn	01	Các bộ bàn bóng bàn, thiết bị tập bóng bàn. Tổng diện tích 725 m2.	7140206 7810302
9	Sân điền kinh với đường chạy phủ nhựa tổng hợpMỹ.	01	Tổng diện tích 6.500 m2	7140206 7140208 7810302
10	Sân bóng đá phủ cỏ nhân tạo Mỹ	02	Tổng diện tích 10.800 m2	7140206 7810302
11	Sân bóng chuyền tiêu chuẩn Quốc gia	07	Tổng diện tích 3.150 m2	7140206 7810302
12	Sân bóng rổ	02	Tổng diện tích 1640 m2	7140206 7810302
13	Sân bóng ném	01	Tổng diện tích 1.300 m2	7140206 7810302
14	Sân quần vợt tiêu chuẩn Quốc gia	02	Tổng diện tích 1.040 m2	7140206 7810302
15	Bể bơi tiêu chuẩn Quốc gia	01	10 đường bơi cự ly 50 m	7140206 7140208 7810302
16	Thao trường, bãi tập Điều lệnh	02	Các trang thiết bị dùng cho tập điều lệnh, tập đội hình, đội ngũ.	7140208
17	Thao trường, bãi tập bắn	01	Các trang thiết bị, máy tập bắn.	7140208
18	Thao trường, bãi tập Chiến thuật	02	Các trang thiết bị dùng cho tập chiến thuật bộ binh tiểu đội, trung đội.	7140208

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
19	Kho Vũ khí quân dụng	01	631 súng tiểu liên AK hoán cải, 03 tủ sắt đựng súng (dành cho Trung đội), 50 tủ sắt đựng súng (dành cho Tiểu đội),19 mô hình súng cắt bổ (khẩu súng cắt bổ trong tập bắn), 11 Thiết bị bắn tập MBT-03.	7140208
20	Kho Quân trang	01	3000 bộ trang phục Nam, 2000 bộ trang phục Nữ (quần, áo, thắt lưng, mũ, giầy), 2200 áo bông - dùng cho sinh viên học Giáo dục quốc phòng.	7140208

Ghi chú: Nhà trường đã có kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị, xin cấp phép mua bổ sung vũ khí quân dụng dùng trong giảng dạy, học tập ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

2.2.2. Thống kê về học liệu trong thư viện *(giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả E-book, cơ sở dữ liệu điện tử):*

Phục vụ các ngành:

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : ***Giáo dục Thể chất***
- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : ***Giáo dục Quốc phòng - An ninh***
- Mã ngành : **7810302** Tên ngành : ***Huấn luyện Thể thao***

STT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số đầu sách / số lượng cuốn
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I *(nhóm ngành Đào tạo giáo viên)*	**2.276** đầu sách / **16.864** cuốn
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	**500** đầu sách/ **16.864** cuốn

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng để tra cứu tài liệu. Thư viện hiện có đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, tạp chí phục vụ đào tạo với tổngsố *2.776 đầu sách*, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành với số lượng *16.864 cuốn* các loại.

3. Danh sách giảng viên:

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian:

Tham gia giảng dạy các ngành đào tạo:

- Mã ngành: **7140206** Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất***

- Mã ngành: **7140208** Tên ngành: ***Giáo dục Quốc phòng - An ninh***

- Mã ngành: **7810302** Tên ngành: ***Huấn luyện Thể thao***

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
A - GIẢNG VIÊN CƠ HỮU:					
1	Nguyễn Duy Quyết	PGS	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục – GDTC	7140206 7810302
2	Bùi Quang Hải	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – GDTC	7140206 7810302
3	Phùng Xuân Dũng	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – GDTC	7140206 7810302
4	Hướng Xuân Nguyên		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206 7810302
5	Đỗ Mạnh Hưng		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7810302 7140206
6	Đỗ Anh Tuấn		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7810302 7140206
7	Mai Tú Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7810302 7140206
8	Nguyễn Mạnh Toàn		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206 7810302
9	Phạm Anh Tuấn		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206 7810302
10	Nguyễn Khắc Dược		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất	7810302
11	Nguyễn Thu Nga		Tiến sĩ	Giáo dục học	7140206 7810302
12	Nguyễn Tiến Lợi		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206 7810302
13	Phạm Thị Hương		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
14	Phùng Mạnh Cường		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206 7810302
15	Trần Văn Cường		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140208
16	Trần Mai Linh		Tiến sĩ	Triết học	7140206 7810302
17	Trần Ngọc Minh		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
18	Phạm Duy Hải		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7140206 7810302
19	Đoàn Thanh Nam		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
20	Nguyễn Thành Hưng		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7810302
21	Trần Dũng		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
22	Tô Tiến Thành		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao	7140206 7810302
23	Cao Hoài Anh		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
24	Đặng Đình Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7810302 7140206
25	Đặng Hùng Linh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
26	Đặng Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
27	Đặng Thu Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
28	Đào Thị Ngân Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7140206 7810302
29	Đào Xuân Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
30	Hà Thị Kim Oanh		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206 7810302
31	Hồ Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Luật học	7140206 7810302
32	Hoàng Minh Thủy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	7140206 7810302
33	Lã Huy Hoàng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7810302 7140206
34	Lại Triệu Minh		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT	7810302 7140206
35	Lê Chí Nhân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
36	Lê Duy Linh		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	7140206 7810302
37	Lê Học Liêm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
38	Lê Mạnh Cường		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
39	Lê Mạnh Linh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
40	Lê Thị Thanh Hường		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7140206 7810302

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
41	Lê Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
42	Lê Thị Thu Thúy		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
43	Lê Thị Vân Liêm		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7140206 7810302
44	Mai Thị Bích Ngọc		Thạc sĩ	Triết học	7140206 7810302
45	Mai Thị Ngoãn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
46	Mai Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
47	Ngô Bằng Giang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
48	Ngô Thanh Huyền		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206 7810302
49	Ngô Xuân Đức		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	7140206 7810302
50	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	7140206 7810302
51	Nguyễn Doãn Vũ		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
52	Nguyễn Hoàng Việt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
53	Nguyễn Hoàng Yến		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	7140206 7810302
54	Nguyễn Hồng Minh		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục	7140206 7810302
55	Nguyễn Hồng Phượng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
56	Nguyễn Kim Mạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
57	Nguyễn Ngọc Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
58	Nguyễn Thành Chung		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
59	Nguyễn Thị Diệu Khánh		Thạc sĩ	Triết học	7140206 7810302
60	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
61	Nguyễn Thị Hoài Mỹ		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206 7810302

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
62	Nguyễn Thị Liên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
63	Nguyễn Thị Mai Thoan		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
64	Nguyễn Thị Minh Hạnh		Thạc sĩ	Sinh học	7140206 7810302
65	Nguyễn Thị Thoa		Thạc sĩ	Sinh học	7140206 7810302
66	Nguyễn Thị Thu		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
67	Nguyễn Thị Thu Minh		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206 7810302
68	Nguyễn Thị Thúy Ngân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
69	Nguyễn Tùng Lâm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
70	Nguyễn Văn Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
71	Nguyễn Văn Hoàng		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục	7140206 7810302
72	Nguyễn Văn Thuật		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
73	Nguyễn Việt Hồng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
74	Phạm Mai Vương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
75	Phạm Minh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
76	Phạm Ngọc Tú		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
77	Phạm Phi Điệp		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
78	Phạm Quốc Toản		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
79	Phạm Văn Quý		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
80	Phan Văn Huynh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
81	Quách Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Khoa học môi trường	7140206 7810302
82	Trần Chí Công		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
83	Trần Đình Phòng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
84	Trần Đình Tường		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
85	Trần Hải Thanh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
86	Trần Thị Nhu		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
87	Trương Công Đức		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
88	Vũ Công Lâm		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
89	Vũ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
90	Vũ Văn Thịnh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
91	Đinh Thị Uyên		Thạc sĩ	Quản lý Thể dục thể thao	7140206 7810302
92	Chu Thanh Hải		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
93	Đặng Hải Linh		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao	7810302 7140206
94	Đỗ Thị Tố Uyên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
95	Đoàn Hà Trung		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
96	Hoàng Thu Thủy		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	7140206 7810302
97	Lê Dung		Thạc sĩ	LT xác suất & TK toán học	7140206 7810302
98	Lê Ngọc Vinh		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
99	Lê Nguyên Hoàn		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
100	Lê Thị Thùy Chi		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7140206 7810302
101	Ngô Thế Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
102	Nguyễn Mạnh Đạt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
103	Nguyễn Phương Linh		Thạc sĩ	Y học Thể dục thể thao	7140206 7810302

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
104	Nguyễn Thị Thức		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	7140206 7810302
105	Nguyễn Văn Duyệt		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
106	Phan Thị Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và PPGD tiếng Anh	7140206 7810302
107	Vũ Thanh Hiền		Thạc sĩ	Tâm lý học	7140206 7810302
108	Vũ Thị Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
109	Nguyễn Văn Hưng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	7140206 7810302
110	Lê Chí Hướng		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
111	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
112	Nguyễn Tố Quyên		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
113	Nguyễn Văn Đại		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
114	Đoàn Khắc Hà		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học – Cử nhân Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
115	Dương Đăng Kiển		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân ngành GDQP - anninh.	7140208
116	Tạ Việt Thanh		Đại học	Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
117	Phùng Thị Tâm Tình		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
118	Mai Thiện Chí		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208
119	Nguyễn Tất Quân		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh.	7140208

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
B - GIẢNG VIÊN SĨ QUAN THAM GIA GIẢNG DẠY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC: (Sĩ quan biệt phái do Nhà trường trực tiếp quản lý, làm việc toàn thời gian 12 tháng trở lêntại trường, giảng dạy ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh, trình độ đại học)					
120	Đại tá Nguyễn Minh Tiến		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục - Tốt nghiệp Sĩ quan chỉ huy, TrườngSĩ quan pháo binh.	7140208
121	Đại tá Đinh Trọng Tuấn		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục - Cử nhânXây dựng đảng và quản lý nhànước.	7140208
122	Thượng tá Chu Văn Hạc		Tiến sĩ	Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Học việnchính trị quân sự.	7140208
123	Thượng tá Phạm Hồng Hải		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục - Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉhuy tham mưu lục quân.	7140208
124	Thượng tá Lê Văn Quyết		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục - Cử nhân Khoa học Quân sự, Sĩ quanpháo binh.	7140208
125	Đại tá Nguyễn Quốc Anh		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
126	Đại tá Nguyễn Đắc Năm		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành chuyên ngành Chỉ huy tham mưulục quân.	7140208
127	Thượng tá Lê Văn Duẩn		Đại học	Cử nhân Quân sự, Chỉ huy kỹ thuật Công binh	7140208
128	Thượng tá Vũ Đình Khanh		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
129	Thượng tá Hoàng Tuấn Hào		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy binh chủng hợp thành.	7140208
130	Trung tá Nguyễn Đức Tiến		Đại học	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
131	Thượng tá Đỗ Ánh Thiên		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân Khoa học Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy phân độibinh chủng hợp thành.	7140208
132	Trung tá Nguyễn Công Long		Đại học	Cử nhân Khoa học Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy Tăng	7140208

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành đại học chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh
				Thiết giáp.	
133	Trung tá Lý Hoài Nam		Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục - Cử nhânQuân sự, chuyên ngành Chỉ huytham mưu lục quân.	7140208
134	Đại úy Chu Hữu Sơn		Thạc sĩ	Thạc sĩ chuyên ngành Xây dựngĐảng và chính quyền Nhà nước.	7140208
135	Đại tá Phan Tử Lăng		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
136	Trung tá Bùi Văn Trang		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngànhChỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
137	Trung tá Nguyễn Ngọc Sơn		Đại học	Cử nhân Quân sự, chuyên ngànhChỉ huy tham mưu lục quân.	7140208
138	Trung tá Vũ Văn Tuấn		Thạc sĩ	Thạc sĩ Giáo dục học - Cử nhân Quân sự, chuyên ngành Chỉ huy Kỹ thuật công binh.	7140208
C - GIẢNG VIÊN HỢP ĐỒNG 12 THÁNG TRỞ LÊN : (Giảng viên ký hợp đồng giảng dạy 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại nhà trường)					
139	Lê Thanh		Tiến sĩ	Toán học	7140206 7810302
140	Nguyễn Văn Tuyền		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
141	Phạm Ngọc Quân		Thạc sĩ	Giáo dục học - GDTC	7140206 7810302
142	Lê Đức Chương	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học – Y học thể thao	7140206 7810302

Tổng số giảng viên, giảng viên sĩ quan toàn thời gian của toàn trường: 142 (trong đó **04** PGS Tiến sĩ, **22** Tiến sĩ, **105** Thạc sĩ, **17** Đại học)

* **Ghi chú :**

- ✓ Tổng số giảng viên cơ hữu: **123** (trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 18 Tiến sĩ, 97 Thạc sĩ, 05 Đại học).
- ✓ Tổng số giảng viên sĩ quan *toàn thời gian* giảng dạy ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, trình độ đại học (*nhà trường trực tiếp quản lý toàn thời gian*): **19** (trong đó 01 Tiến sĩ, 06 Thạc sĩ, 12 Đại học).

- ✓ Tổng số giảng viên hợp đồng 12 tháng trở lên (được tính chỉ tiêu): 05 (trong đó **01** PGS Tiến sĩ, 01 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ).
- ✓ Tổng số giảng viên cơ hữu, giảng viên *toàn thời gian* tính chỉ tiêu ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học: **116** (trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 17 Tiến sĩ, 95 Thạc sĩ, 01 Đại học). Giảng viên hợp đồng: 05 (trong đó **01** PGS Tiến sĩ, 01 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ).
- ✓ Tổng số giảng viên cơ hữu, giảng viên sĩ quan *toàn thời gian* tính chỉ tiêu ngành GDQP và An ninh, trình độ đại học: 26 (trong đó 02 Tiến sĩ, 08 Thạc sĩ, 16 Đại học).
- ✓ Tổng số giảng viên cơ hữu, giảng viên *toàn thời gian* tính chỉ tiêu ngành Huấn luyện Thể thao, trình độ đại học: **116** (trong đó 03 PGS Tiến sĩ, 17 Tiến sĩ, 95 Thạc sĩ, 01 Đại học). Giảng viên hợp đồng: 05 (trong đó **01** PGS Tiến sĩ, 01 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ).

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học: ***(chưa có kế hoạch thỉnh giảng)***

Tham gia giảng dạy các ngành đào tạo:

- Mã ngành: **7140206** Tên ngành: ***Giáo dục Thể chất***
- Mã ngành: **7140208** Tên ngành: ***Giáo dục Quốc phòng - An ninh***
- Mã ngành: **7810302** Tên ngành: ***Huấn luyện Thể thao***

Phụ lục 2: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT:

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương có đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ **1,62m**, nữ từ **1,52m** trở lên (*thí sinh có chiều cao không đạt theo quy định thì bị loại*).

Không tuyển đối với các trường hợp trên cơ thể có hình xăm phản cảm có thiết diện rộng phủ kín tay, chân, mặt, cổ.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: *Tuyển sinh trên Toàn quốc.*

1.3. Phương thức tuyển sinh (ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao):

*** Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Năng khiếu TDTT):

*Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T09: Toán+ Sử + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT***

(Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = Giáo dục công dân)

*** Phương thức 2 : Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm của hai bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Năng khiếu TDTT):

*Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T09: Toán+ Sử + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT***

(Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = Giáo dục công dân)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: *(theo ngành, từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo).*

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7140206	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	200	- Xét tuyển thẳng - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						điểm thi năng khiếu (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10) - Kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10)
2	7810302	Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	160	- Xét tuyển thẳng - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10) - Kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Tổ hợp: T00, T02, T05, T08, T09, T10)

(*) Chỉ tiêu phân đều cho các tổ hợp đã nêu ở trên trong mỗi phương thức tuyển sinh. Trường hợp tổ hợp hoặc phương thức tuyển sinh nào xét tuyển có ít thí sinh đăng ký dự tuyển thì chỉ tiêu sẽ sử dụng cho tổ hợp xét tuyển khác (phương thức khác) có nhiều thí sinh đăng ký dự tuyển.

1.5. Ngưỡng đầu vào:

1.5.1. Ngành Giáo dục Thể chất:

*** Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**

+ Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

+ *Yêu cầu ngưỡng đầu vào*: Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên *hoặc* Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

+ Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào:

Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.

*** Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**

+ Xét tuyển theo tổng điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

+ *Yêu cầu ngưỡng đầu vào*: Do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT. Điểmthi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

*** Ghi chú:** Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cả 2 phương thức xét tuyển.

1.5.2. Ngành Huấn luyện Thể thao:

*** Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**

+ Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

+ *Yêu cầu ngưỡng đầu vào*: Học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình trở lên *hoặc* Điểm xét tốtnghiệp THPT từ 5,0 trở lên. Điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

+ Các trường hợp sau không phải áp dụng ngưỡng đầu vào:

Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế.

*** Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**

+ Xét tuyển theo tổng điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

+ *Yêu cầu ngưỡng đầu vào*: Do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Tên trường : **Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.**
- Mã số trường : **TDH**
- Tên ngành : **Giáo dục thể chất** Mã số ngành: **7140206**
- Tên ngành : **Huấn luyện thể thao** Mã số ngành: **7810302**

Phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao:

*** Phương thức 1 : Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 và thi Năng khiếu TDTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2 : Năng khiếu TDTT):

*Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T09: Toán+ Sử + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT***

*** Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi Năng khiếu TDTT.**

Xét tuyển theo tổng điểm của 2 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT do Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tổ chức.

Thí sinh đăng ký 1 trong 6 tổ hợp xét tuyển (Môn hệ số 2: Năng khiếu TDTT):

*Mã tổ hợp **T00: Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T02: Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T05: Ngữ văn + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T08: Toán + GDKTPL + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T09: Toán+ Sử + Năng khiếu TDTT***

*Mã tổ hợp **T10: Ngữ văn + Sử + Năng khiếu TDTT***

**** Ghi chú:***

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cả 2 phương thức xét tuyển.

- Điểm thi năng khiếu TDTT phải đạt ≥ 5,0 điểm (điểm chưa nhân hệ số).

**** Thi trực tiếp với các môn thi:*** (tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội)

+ Kiểm tra thể hình: Thí sinh đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật, dị hình. Chiều cao nam từ 1m62, nữ từ 1m52 trở lên (*thí sinh có chiều cao không đạt theo quy địnhthì bị loại*). Các trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

+ Bật xa tại chỗ (thành tích tính bằng centimet), chấm theo thang điểm 10.

+ Chạy 100m (thành tích tính bằng giây), chấm theo thang điểm 10.

**** Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng, Nhà trường sẽ tổ chức thi các môn năng khiếu theo hình thức trực tuyến dựa vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo..***

**** Điểm xét tuyển*: ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT**

M1, M2 = Điểm trung bình cả năm của 2 môn học lớp 12 hoặc điểm của 2 bài thi/ môn thi tốt nghiệp THPT trong từng tổ hợp.

M3 = *Điểm môn Năng khiếu TDTT được tính hệ số 2*, tức là bằng Tổng điểm 2 nội dung thi năng khiếu.

ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực

- Ưu tiên gồm: ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Điểm xét tuyển được tính đến hai chữ số thập phân.

**** Nguyên tắc xét tuyển:*** Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì lấy điểm môn chính làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp (Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quyết định).

1.7. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian thi tuyển/xét tuyển:

▪ Thi Năng khiếu TDTT trực tiếp tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội:

Đợt 1: Ngày 10-12/07/2025 (thời gian nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày 28/6/2025).

Đợt 2: Từ tháng 9/2025 đến tháng 10/2025 *(nếu còn chỉ tiêu)* - (thời gian nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/9/2025).

Nhà trường sẽ có thông báo ngày thi cụ thể trước mỗi đợt thi trực tiếp tới thí sinh.

▪ Ghi chú:

+ Nếu tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, không thể thi trực tiếp, Nhà trường sẽ thông báo tổ chức thi Năng khiếu TDTT trực tuyến (qua phần mềm Zoom).

+ Trong mỗi đợt: Ngày đầu phổ biến quy chế thi, làm thủ tục thi; ngày thứ 2 thi năng khiếu TDTT.

+ Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu TDTT hệ chính quy do Nhà trường tổ chức trong truyển sinh năm 2025 để xét tuyển đại học vừa làm vừa học.

1.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

Như trình độ đại học hệ chính quy

1.9. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển:

1.9.1. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển:

- Thông tin tuyển sinh trên Website: **https://tuyensinhdaihoc.hupes.edu.vn/**
- Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Fanpage:

https://www.facebook.com/SPTDTTHN

- Thí sinh gửi Hồ sơ đăng ký xét tuyển qua Bưu điện về địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

1.9.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên Website).
- Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương).
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) với thí sinh tốt nghiệp trước 2025. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2025 (hoặc bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT, nếu đã có). Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia.
- Thí sinh phải nộp 2 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).
- Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.

1.9.3. Lệ phí xét tuyển, thi Năng khiếu:

- Hình thức nộp: **Chuyển khoản.**
- Lệ phí xét tuyển + thi năng khiếu TDTT: **530.000đ.**
- Số tài khoản : **45010006656669**
- Tên ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây (BIDV).
- Tên người nhận: Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.
- Cú pháp nội dung nộp lệ phí :

Họ và tên - số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân) – LPTS 2025.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CPngày 27/8/2021; Căn cứ theo nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và

chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.410	1.590	1.790
Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Dịch vụ xã hội, Khách sạn-du lịch-thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh quốc phòng	1.500	1.690	1.910

2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN:

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần: Sư phạm Giáo dụcthể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục côngdân,... và các ngành: Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao; thí sinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: ***Tuyển sinh trên Toàn quốc.***

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả trung bình chung học tập toàn khóa của hệ Cao đẳng, đại học (hoặc Trung cấp).

** Thi năng khiếu với các nội dụng thi:* Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 100m hoặc Chạy nhanh khéo (giây).

* Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng, Nhà trường sẽ tổ chức thi các môn năng khiếu theo hình thức trực tuyến dựa vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (*):

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7140206	Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	48	Kết hợp kết quả học tập với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

(*) Được điều chỉnh căn cứ vào nhu cầu đặt hàng chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương, căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao cho.

2.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần: Sư phạm Giáo dục

thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân,... và các ngành khác (Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT, Huấn luyện thể thao); thísinh tốt nghiệp đại học. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

Thí sinh phải đạt một trong các tiêu chí về ngưỡng đầu vào như sau:

Học lực lớp 12 đạt loại khá;

hoặc Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

hoặc Tốt nghiệp THPT loại khá;

hoặc Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy mônThể dục, huấn luyện TDTT (*);

hoặc Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá trở lên.

(*) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/5/2020, dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, chỉ cần: *Có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT.*

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

Tên trường : **Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.**

Mã số trường : **TDH**

Tên ngành : **Giáo dục thể chất**

Mã số ngành : **7140206**

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

2.7.1. Thời gian :

- Đợt 1: Từ tháng 07/2025 đến tháng 09/2025
- Đợt 2: Từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025

Nhà trường sẽ có thông báo ngày thi cụ thể trước mỗi đợt thi trực tiếp tới thí sinh.

2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

Gửi Bưu điện tới Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và Hợp tác quốc tế trước khi thi 5 ngày.

** Hồ sơ đăng ký thi tuyển:*

- Đơn đăng ký thi tuyển
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bảng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (*hoặc tương đương*).
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (*nếu có*).
- 02 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).
- Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.
- Giấy khám sức khỏe có xác nhận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên.

2.8. Chính sách ưu tiên :

Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 530.000 đ/thí sinh + Lệ phí hướng dẫn ôn thi (nếu có).

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

Thực hiện thu học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính

phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệthống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2.11. Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảovệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (VD: sai nhầm thành tích năng khiếu, thất lạc giấy báo trúng tuyển,...).